

## **2.3. Cách khắc phục hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu**

### **2.3.1. Tôn trọng quyền tác giả**

Quyền tác giả là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của nghiên cứu. Quyền tác giả là tiến trình quyết định những ai là người đứng tên tác giả một công trình nghiên cứu (University of Minnesota, 2003). Trong nhiều trường hợp, nghiên cứu có sự hợp tác và sự trợ giúp giữa các chuyên gia và đồng nghiệp, khi đó sự trợ giúp này đòi hỏi sự thừa nhận và một số khác đòi hỏi quyền đồng tác giả. Tuy nhiên, mỗi cá nhân được liệt kê như một tác giả của một công trình nghiên cứu cần có những đóng góp vào tiến trình thực hiện một nghiên cứu. Tất cả những tác giả đã được liệt kê tên phải có trách nhiệm đầy đủ về nội dung của công trình nghiên cứu. Những yêu cầu đối với quyền tác giả của mỗi cá nhân trong công trình nghiên cứu được quy định như sau: a) có những đóng góp quan trọng đối với kế hoạch và thiết kế nghiên cứu, hoặc quản lý dữ liệu, hoặc phân tích và diễn giải dữ liệu; b) phác thảo công trình nghiên cứu hoặc đọc và góp ý nội dung công trình nghiên cứu; và c) đọc bản thảo cuối cùng trước khi đệ trình báo cáo kết quả nghiên cứu (International Committee of Medical Journal Editors [ICMJE]). Tất cả các điều kiện a, b, và c phải được đáp ứng. Quản lý kinh phí, thu thập dữ liệu, hoặc giám sát nhóm nghiên cứu là những hoạt động không thỏa mãn để đảm bảo quyền tác giả của một công trình nghiên cứu (ICMJE, [www.icmje.org](http://www.icmje.org)). (Trần Văn Đạt, 2016).

Các đồng nghiệp có tham gia vào việc thực hiện một công trình nghiên cứu nhưng không đáp ứng những điều kiện trên thì họ không được công nhận quyền tác giả (University of Minnesota, 2003). Thay vào đó, họ được thừa nhận sự đóng góp ở cuối công trình nghiên cứu bằng một đoạn văn mô tả vắn tắt sự đóng góp của họ. Để được thừa nhận sự đóng góp, đồng nghiệp phải tự nguyện chấp nhận sự thừa nhận đó nhưng với điều kiện là họ không chịu trách nhiệm các kết luận được rút ra từ kết quả nghiên cứu. Tất cả các đồng tác giả đóng góp vào công trình nghiên cứu phải tự nguyện quyết định trật tự danh sách tên tác giả. Người đầu tiên phải là người liên quan trực tiếp đến công trình nghiên cứu. Các tác giả kế tiếp xuất hiện lần lượt dựa trên sự đóng góp của họ đối với công trình nghiên cứu. (Trần Văn Đạt, 2016).

### **2.3.2. Ngăn chặn tình trạng đạo văn**

Trong thực tế, đạo văn diễn ra dưới nhiều hình thức. Hình thức dễ dàng nhận thấy nhất, đó là nhà nghiên cứu chép từ 4 từ trở lên mà không sử dụng dấu nháy và chú thích tác giả, hoặc chép nguyên một văn của người khác, đặt nó vào trong bài viết của mình mà không trích dẫn nguồn (AERA, 2011; University of Minnesota, 2003). Cách tốt nhất để ngăn chặn tình trạng đạo văn là thực hiện đúng quy tắc về trích dẫn. Nếu nhà nghiên cứu sử dụng từ 40 từ hoặc hơn thì họ cần trích dẫn nguồn, tác giả, ghi số trang và thụt dòng nguyên đoạn văn trích. Bất kỳ công trình nghiên cứu nào cũng phải trích dẫn nguồn khi viết bản thảo hay bản

chính (Northwestern University, [www.writing.nwu.edu/tip/plag.html](http://www.writing.nwu.edu/tip/plag.html)), nhà nghiên cứu cần: a) trích dẫn ngôn ngữ viết hoặc ngôn ngữ lời nói của người khác; b) diễn giải ngôn ngữ viết hoặc ngôn ngữ lời nói của người khác; c) sử dụng quan điểm, tư tưởng của người khác; d) vay mượn những con số, sự kiện, biểu bảng thống kê. Để tránh sự đánh cắp công trình của người khác, một nhà nghiên cứu phải: a) trích dẫn tất cả ý tưởng và thông tin mà không thuộc của mình; b) sử dụng dấu nháy nếu sử dụng từ của người khác (Indiana University, [www.campuslife.indiana.edu/Code/](http://www.campuslife.indiana.edu/Code/)). (Trần Văn Đạt, 2016).

### ❖ *Cách tránh lỗi đạo văn – trích dẫn khoa học (citation)*

Trích dẫn là việc sử dụng các kết quả nghiên cứu hay ý tưởng đã có trong quá trình trình bày nội dung nghiên cứu của mình và có chỉ rõ nguồn, tác giả của tài liệu tham khảo theo đúng nguyên tắc khoa học.

Trích dẫn khoa học là nguyên tắc quan trọng trong môi trường học thuật thể hiện đạo đức khoa học cũng như sự tham khảo tích cực của người viết. Bằng các trích dẫn khoa học, người đọc dễ dàng tra cứu, truy xuất nguồn gốc nhằm mở rộng hoặc kiểm tra tính xác thực, độ chính xác. Trích dẫn khoa học là cơ sở, luận cứ đáng tin cậy cho lập luận, ý kiến của người viết. Quan trọng hơn hết, trích dẫn khoa học nhằm phân biệt ý tưởng gốc và ý tưởng tham khảo, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

Người viết cần trích dẫn khoa học khi:

- (1) Lấy nguyên văn một câu hay đoạn văn của một tác giả khác hoặc của chính mình đã từng công bố trước đây;
- (2) Tóm lược và diễn đạt lại ý của tác giả gốc;
- (3) Trích những dữ liệu thống kê, con số, bảng biểu, hình ảnh...;
- (4) Trình bày kết quả nghiên cứu của người khác.

Những kiến thức phổ thông, đại chúng, được nhiều người biết đến, được tìm thấy ở nhiều nơi thì không cần trích dẫn khoa học.

Trích dẫn khoa học được thể hiện ở nhiều nơi trong sản phẩm khoa học. Người viết cần thể hiện trích dẫn trong danh mục tài liệu tham khảo, trong bài viết. Quy định trích dẫn sẽ được làm rõ ở phần sau.

### **2.3.3. Bình duyệt đồng đẳng**

Bình duyệt là một tiến trình, ở đó một tác giả (hoặc một số tác giả) đệ trình một bản thảo công trình nghiên cứu hoặc một bài báo cho một tạp chí để xuất bản, và sau đó biên tập viên của tạp chí gửi bài báo đó cho các chuyên gia làm việc cùng chuyên môn khoa học. Các

chuyên gia này được gọi là những người bình duyệt. Tiến trình bình duyệt liên quan đến những bước sau: a) các bình duyệt và các biên tập đọc và đánh giá bài báo; b) các bình duyệt đệ trình các nhận xét cho biên tập viên tạp chí; c) biên tập viên tạp chí thu nhận những nhận xét này và chuyển cho tác giả chính của bài báo (University of Minnesota, 2003, tr.15). Tiến trình bình duyệt hiếm khi tiến triển theo một đường thẳng. Toàn bộ tiến trình liên quan đến một số vòng tương tác giữa biên tập viên, các bình duyệt và tác giả bài báo trước khi bài báo được xuất bản. Một công trình có chất lượng sẵn sàng cho việc xuất bản phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau: a) tầm quan trọng – nghiên cứu ảnh hưởng đến cộng đồng xã hội không?; b) sự hữu ích – nghiên cứu có cung cấp những thông tin khoa học hữu ích không?; c) sự liên quan – nghiên cứu có phù hợp với lĩnh vực xuất bản của tạp chí không?; d) phương pháp nghiên cứu – nghiên cứu có được thực hiện bằng các phương pháp khoa học phù hợp, cho phép các nhà nghiên cứu trả lời câu hỏi nghiên cứu không?; e) đạo đức nghiên cứu – nghiên cứu được thực hiện có đảm bảo các vấn đề đạo đức không?; f) kết quả nghiên cứu – kết quả được tường trình có chính xác và chân thật không?; g) sự đầy đủ – tất cả thông tin liên quan đến nghiên cứu có thể hiện trong công trình nghiên cứu không?; h) sự chính xác – sản phẩm nghiên cứu có là một sự phản ánh chân thật tiến trình và kết quả nghiên cứu không? (Jefferson, Wagner, & Davidoff, 2002).

Hai khái niệm quan trọng nhất trong tiến trình bình duyệt, đó là tính cẩn mật và quyền sở hữu trí tuệ (University of Minnesota, 2003). Các bình duyệt không được biết tác giả (hoặc nhóm tác giả) của công trình nghiên cứu mà họ đang bình duyệt, và tác giả (hoặc nhóm tác giả) không được biết tên của các bình duyệt. Không một ai liên quan đến tiến trình bình duyệt, ngoại trừ biên tập viên, các bình duyệt hoặc đội ngũ tòa soạn. Để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ thì nguy cơ về sự xung đột do mối quan hệ cá nhân, yếu tố chính trị, kết quả nghiên cứu và tài chính cần phải được loại trừ (Lawrence, 2003, được trích dẫn trong (Trần Văn Đạt, 2016)).

#### **2.3.4. Quản lý dữ liệu**

Quản lý dữ liệu liên quan đến ba vấn đề: a) thu thập dữ liệu tin cậy, chân thật; b) quyền sở hữu và trách nhiệm đối với dữ liệu được thu thập; và c) quản lý dữ liệu và chia sẻ sự tiếp cận dữ liệu với đồng nghiệp và cộng đồng (University of Minnesota, 2003; The online Resource for Instruction in Responsible Conduct of Research, University of California, [www.rcr.ucsd.edu/data.htm](http://www.rcr.ucsd.edu/data.htm)). Tất cả ba vấn đề này góp phần vào việc hình thành tính chân thật của một nghiên cứu.

Để đảm bảo công việc quản lý dữ liệu hiệu quả thì ở giai đoạn đầu của công trình nghiên cứu một kế hoạch chi tiết rõ ràng cần được xác lập và hoạch định.

Sự thu thập dữ liệu mang tính đạo đức ám chỉ đến quá trình thu thập dữ liệu mà không làm tổn thương đến người khác (AERA, 2011).

Sự thu thập dữ liệu chân thật ám chỉ dữ liệu mà một khi được thu thập thì nó không bị thay đổi. Đảm bảo trách nhiệm đối với việc thu thập và trách nhiệm quản lý dữ liệu là một trong những vấn đề đạo đức quan trọng nhất khi thực hiện một dự án nghiên cứu (University of Minnesota, 2003).

Trách nhiệm bao gồm những vấn đề quan trọng sau: a) xem xét thận trọng phương pháp thu thập dữ liệu; b) bảo vệ chủ thể nghiên cứu khỏi bị tổn thương; c) lưu trữ dữ liệu một cách an toàn để duy trì tính chân thật và bí mật của dữ liệu; d) xác lập trách nhiệm chia sẻ dữ liệu với người khác; và e) sử dụng dữ liệu có trách nhiệm và sự mô tả kết quả dữ liệu một cách chân thật (University of Minnesota, 2003, tr. 22).

Vấn đề chia sẻ dữ liệu thì khá phức tạp xét dưới góc độ tình cảm cá nhân, trách nhiệm và quyền sở hữu. Mặc dù, mang tính phức tạp nhưng chia sẻ dữ liệu được xem là một chỉ dấu xác nhận của cộng đồng khoa học, đặc biệt trong giới học thuật. Tầm quan trọng của sự chia sẻ dữ liệu được mô tả như sau:

Chia sẻ dữ liệu đạt được nhiều mục đích quan trọng đối với cộng đồng khoa học, chẳng hạn như tăng cường những nghiên cứu khoa học mở rộng, khuyến khích sự đa dạng việc sử dụng phương pháp thu thập số liệu, thúc đẩy những nghiên cứu mới, kiểm định các giả thuyết thay thế, và các phương pháp thu thập số liệu, hỗ trợ việc khám phá những chủ đề nghiên cứu mới, cho phép sự sáng tạo cơ sở dữ liệu mới thông qua việc kết nối dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. (National Institutes of Health Office of Extramural Research [NIH], [www.grants.nih.gov/grants/policy/data\\_sharing/data\\_sharing\\_faqs.htm](http://www.grants.nih.gov/grants/policy/data_sharing/data_sharing_faqs.htm), trích từ University of Minnesota, 2003, tr.23).

Để đảm bảo ba vấn đề đối với quản lý dữ liệu đạt hiệu quả cao thì các nhà nghiên cứu phải xác định các câu trả lời có những câu hỏi sau để giải quyết tất cả các vấn đề quản lý dữ liệu theo trật tự thời gian trước và trong khi thực hiện dự án nghiên cứu:

- Ai có trách nhiệm đối với dữ liệu (Người này thường là nhà nghiên cứu chính của dự án nghiên cứu và có trách nhiệm đối với việc thiết kế các phương pháp thu thập dữ liệu).

- Dữ liệu được thu thập như thế nào? (Dữ liệu sẽ được thu thập thông qua điện thoại, thư tín, phỏng vấn cá nhân, đĩa thu âm đang tồn tại, nguồn dữ liệu thứ cấp, v.v.?)

- Dữ liệu có được mã hóa không? Nếu có, tại sao?

- Dữ liệu sẽ được lưu trữ như thế nào? (Dữ liệu sẽ được lưu trữ bằng máy điện toán, giấy, v.v.?)

- Ai sẽ đảm bảo rằng không có dữ liệu nào bị loại khỏi kết quả cuối cùng và đảm bảo sự chính xác của sự diễn giải dữ liệu?

- Dữ liệu sẽ được lưu trữ bao lâu khi dự án nghiên cứu kết thúc? (Điều này phụ thuộc vào nguồn tài chính và chính sách tổ chức). (University of Minnesota, 2003, tr.23-24), được trích dẫn trong (Trần Văn Đạt, 2016)).

### **2.3.5. Ngăn chặn sự vi phạm đạo đức nghiên cứu**

Sự vi phạm đạo đức nghiên cứu (misconduct) là tiền trình xác định và tường trình một kết quả nghiên cứu không mang tính đạo đức hoặc một nghiên cứu không hợp lô gíc. Sự vi phạm đạo đức nghiên cứu được định nghĩa như là hoạt động nặn ra dữ liệu, giả tạo dữ liệu, hoặc đánh cắp dữ liệu trong giai đoạn hình thành đề cương nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu, hoặc tường trình kết quả nghiên cứu (The Office of Scientific and Technology Policy [OSTP], [www.ostp.gov/html/001207\\_3.html](http://www.ostp.gov/html/001207_3.html)). Nặn ra dữ liệu là việc tạo ra dữ liệu hoặc kết quả và ghi lại hoặc tường trình kết quả đó. Ngụy tạo dữ liệu là việc làm sai lệch vật liệu và công cụ nghiên cứu, hoặc tiến trình nghiên cứu, thay đổi hoặc xóa bỏ dữ liệu, kết quả hiển thị trong bảng dữ liệu nghiên cứu. Sự đánh cắp là sự chiếm đoạt các ý tưởng, quy trình, kết quả, hoặc ngôn từ của người khác mà không ghi chú thích hợp lý. Sự vi phạm đạo đức nghiên cứu được xem là một hành vi lừa dối, câu thả, và nó còn được xem là hành vi phạm tội (University of Minnesota, 2003). Để ngăn ngừa và phát hiện sự vi phạm đạo đức nghiên cứu thì việc sử dụng các nhà phản biện nghiên cứu bên ngoài và tiến trình bình duyệt khách quan là cần thiết để duy trì tính chân thật khoa học của một nghiên cứu. Khi phát hiện một người có hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu thì bước đầu tiên là thực hiện một cuộc đối thoại bí mật giữa người phát hiện và người có trách nhiệm thẩm tra tính chân thật của nghiên cứu ở cơ quan, trường học. Một khi hành vi vi phạm đạo đức đã được xác định thì tất cả các bên liên quan đến nghiên cứu, bao gồm nhà nghiên cứu chính, các đồng nghiên cứu, đơn vị chủ trì nghiên cứu, cơ quan hỗ trợ tài chính... phải có trách nhiệm giải quyết tình trạng này.

Khi một người bị nghi ngờ có hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu thì giai đoạn đầu tiên là mở một cuộc đối thoại. Nếu cuộc đối thoại cho thấy rõ ràng hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu thì bước thứ hai là thực hiện một cuộc thanh tra toàn diện. Cuối cùng, nhà trường sử dụng thông tin thu thập được trong quá trình thanh tra để ra quyết định liên quan đến hành vi vi phạm đạo đức và biện pháp trừng phạt (University of Minnesota Office of the Vice President of research, [www.research.umm.edu/curriculum](http://www.research.umm.edu/curriculum)).

Làm thế nào khi nghi ngờ một nhà khoa học có hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu? DHHSOR đề xuất 5 bước như sau:

- Một người nghi ngờ một nhà khoa học có hành vi vi phạm đạo đức cần tường trình sự việc với nhân viên chịu trách nhiệm về tính chân thật của nghiên cứu, người chịu trách nhiệm đánh giá hành vi vi phạm đạo đức là đúng và hành vi này có thuộc thẩm quyền của trường hay không.

- Nhà trường cần đối xử công bằng và trân trọng đối với người trình báo hành vi vi phạm đạo đức. Công việc và vị trí việc làm của họ cần được bảo vệ khi cần thiết.

- Nhà trường cũng cần đối xử công bằng và trân trọng đối với người có hành vi vi phạm đạo đức.

- Nhân viên chịu trách nhiệm về tính chân thật của nghiên cứu cố gắng duy trì tính bí mật của cả người tố cáo và bị tố cáo về hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu.

- Nếu hành vi vi phạm đạo đức là hành vi có tính chất tội phạm, hoặc hành vi vượt thẩm quyền của trường thì nhân viên chịu trách nhiệm về tính chân thật của nghiên cứu tường trình vụ việc cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

(*Department of Health and Human Services Offices of Research Integrity, [www.ori.dhhs.gov/multimedia/acrobat/mod\\_pro.pdf](http://www.ori.dhhs.gov/multimedia/acrobat/mod_pro.pdf)*, được trích dẫn trong (Trần Văn Đạt, 2016)).

### **2.3.6. Trân trọng người tham gia nghiên cứu**

Nghiên cứu liên quan đến con người gắn kết với các vấn đề lớn mà nhà nghiên cứu cần chú ý, đó là trân trọng đối với người tham gia nghiên cứu, bảo mật thông tin và sự riêng tư của người tham gia, bảo vệ sự công bằng, bảo vệ lợi ích của người tham gia. Nghiên cứu cần phải trân trọng và bảo mật thông tin của người tham gia nghiên cứu.

Trân trọng con người (sự đồng thuận có ý thức)

Trân trọng người tham gia nghiên cứu phải được đảm bảo bằng một văn bản đồng thuận có ý thức (informed consent). Văn bản đồng thuận có ý thức là một yếu tố đạo đức cơ bản trong nghiên cứu khoa học liên quan đến con người (University of Minnesota, 2003). Các nhà nghiên cứu không thể thực hiện nghiên cứu của họ khi không được sự chấp thuận của người tham gia. Văn bản đồng thuận có ý thức là bản chấp thuận của người tham gia trong một nghiên cứu sau khi người tham gia thông hiểu tường tận về mục đích, tiến trình, rủi ro, lợi ích và tính bảo mật của một nghiên cứu. Văn bản đồng thuận có ý thức tồn tại để đảm bảo rằng tất cả các nghiên cứu liên quan đến đối tượng nghiên cứu là con người phải được đảm bảo tham gia một cách tự nguyện, không bị ép buộc tham gia (University of Minnesota, 2003). Có ba yêu cầu đối với một văn bản đồng thuận có ý thức, đó là cung cấp thông tin cho người tham gia, đảm bảo người tham gia hiểu thông tin, và đảm bảo sự tự nguyện của người tham gia (National Institutes of Health Office of Human Subjects Research, [www.206.102.88.10/ohsr/site/guidelines/belmont.html](http://www.206.102.88.10/ohsr/site/guidelines/belmont.html)).

Yêu cầu đầu tiên là thông tin cung cấp cho người tham gia nghiên cứu phải bao gồm mục đích nghiên cứu, tiến trình nghiên cứu, những rủi ro và lợi ích của người tham gia nghiên cứu, tính bảo mật của người tham gia nghiên cứu, quyền được cung cấp thông tin liên quan đến nghiên cứu và quyền được rút khỏi cuộc nghiên cứu (University of Minnesota, 2003).

Yêu cầu thứ hai là sự linh hội. Sự linh hội có nghĩa là nhà nghiên cứu phải làm cho thông tin dễ hiểu đối với tất cả người tham gia nghiên cứu. Điều này đòi hỏi nhà nghiên cứu phải xem xét khả năng, trình độ và năng lực ngôn ngữ khác nhau của những người tham gia nghiên cứu.

Yêu cầu thứ ba là sự tự nguyện. Người tham gia nghiên cứu phải thật sự tự nguyện tham gia chứ không bị cưỡng ép tham gia vào trong nghiên cứu. Sự chấp thuận trên cơ sở đầy đủ thông tin của một người có đủ năng lực để nhận được các thông tin cần thiết, hiểu đầy đủ các thông tin được cung cấp, tự bản thân đưa ra quyết định tham gia mà không bị ép buộc, dẫn dụ hoặc dọa nạt. Văn bản đồng thuận có ý thức bao gồm những thông tin: tên đề tài nghiên cứu, tên chủ nhiệm đề tài và các cộng sự (nếu có), cơ quan thực hiện, số điện thoại liên hệ, thời gian thực hiện đề tài và thời gian người tham gia liên quan đến đề tài, mục đích nghiên cứu, mẫu nghiên cứu, công cụ nghiên cứu, nguy cơ và lợi ích của người tham gia nghiên cứu, tính bảo mật của thông tin người tham gia cung cấp, địa chỉ liên hệ khi có thắc mắc. Chỉ khi nào nhà nghiên cứu cung cấp cho người tham gia thông tin này và chỉ khi người tham gia đồng ý thì nhà nghiên cứu mới được phép tiến hành nghiên cứu.

Trân trọng người tham gia (sự riêng tư và tính bảo mật)

Bảo mật thông tin là một thành tố rất quan trọng đối với các nghiên cứu liên quan đến con người (AREA, 2011). Nhà nghiên cứu được yêu cầu là phải bảo vệ tính bảo mật của người tham gia và thông tin người tham gia cung cấp. Thành tố đạo đức này liên quan đến khái niệm sự riêng tư. Sự riêng tư nói đến việc kiểm soát sự tiếp cận thông tin của người khác về một người cụ thể. Quyền của con người là có thể cung cấp hoặc không cung cấp thông tin mà họ muốn. Tôn trọng sự riêng tư của người tham gia nghiên cứu là tâm điểm của lối ứng xử nghiên cứu đạo đức. Các nhà nghiên cứu cố gắng đảm bảo sự riêng tư của người tham gia nghiên cứu thông qua việc thu thập thông tin ẩn danh hoặc đảm bảo thông tin thu thập được bảo mật. Sự ẩn danh là cách tốt nhất để bảo vệ sự riêng tư bởi vì sự ẩn danh có nghĩa là nhà nghiên cứu không biết nhân dạng của người tham gia (Johnson & Christensent, 2012). Sự bảo mật là một phương tiện khác mà nhà nghiên cứu sử dụng để bảo vệ sự riêng tư của người tham gia nghiên cứu. Sự bảo mật, trong ngữ cảnh của một nghiên cứu, nói đến một sự đồng ý với các nhà nghiên cứu về những gì có thể được thực hiện bằng thông tin thu thập được về một người tham gia nghiên cứu. Điều này có nghĩa rằng nhân dạng của người tham gia không được tiết lộ đối với bất kỳ người nào (AREA, 2011) được trích dẫn trong (Trần Văn Thắng, 2016).

### **2.6.7. Phát hiện đạo văn bằng phần mềm kiểm tra đạo văn**

Có nhiều hình thức vi phạm đạo đức nghiên cứu song cũng có nhiều cách để phát hiện đạo văn. Ví dụ:

1. Giảng viên nhận ra nguồn của văn bản, hình ảnh, dữ liệu... được sử dụng mà không có trích dẫn;

2. Giảng viên nhận ra sự mâu thuẫn, sự bất thường trong bài luận (sự cải thiện đột ngột trong cách diễn đạt, tư duy; sự bất thường trong văn phong; sự mâu thuẫn trong mạch lập luận...). Khi nghi ngờ học viên vi phạm đạo đức nghiên cứu theo cách này, giảng viên cần cẩn thận kiểm tra lại và tìm ra bằng chứng cụ thể trước khi đưa ra kết luận;

3. Giảng viên sử dụng công cụ hỗ trợ phát hiện đạo văn như phần mềm *Turnitin*, *iThenticate*...

### ❖ **Một số thông tin về Turnitin**

*Turnitin* là phần mềm kiểm tra đạo văn<sup>1</sup> được sử dụng phổ biến tại nhiều trường đại học lớn trên thế giới nhờ mức độ chính xác và uy tín của nó. *Turnitin* sử dụng công nghệ đối chiếu so khớp mẫu để xác định phần nào của văn bản là do học viên viết và phần nào có khả năng đã được sao chép từ một nguồn khác. Nhờ vào lập trình tiên tiến và phương pháp cập nhật, bổ sung liên tục bài luận, bài nghiên cứu từ khắp nơi trên thế giới vào cơ sở dữ liệu, *Turnitin* đảm bảo một nền tảng dữ liệu đa nguồn, toàn diện phục vụ cho thao tác đối chiếu so khớp mẫu.

Sau khi *Turnitin* kiểm tra một bài luận, hệ thống sẽ đưa ra danh sách những phần phát hiện trùng lặp kèm theo nguồn gốc của phần ấy. Mức độ trùng lặp được quy định bằng màu sắc như sau.

Màu xanh lam	0%
Màu xanh lá cây	1 – 24%
Màu vàng	25 – 49%
Màu cam	50 – 74%
Màu đỏ	75 – 100%

Cần lưu ý rằng, chỉ số trùng khớp cao không đồng nghĩa với việc học viên đạo văn. Giảng viên cần xem xét danh sách nội dung trùng khớp *Turnitin* đã phát hiện và rà soát xem

---

<sup>1</sup> Kiểm tra đạo văn bằng phần mềm là việc sử dụng phần mềm chuyên dụng có đã khả năng phát hiện ra mức độ giống nhau của các sản phẩm học thuật viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt (cùng các ngôn ngữ khác) và chỉ rõ nguồn mà người học, tác giả sản phẩm học thuật đã sao chép. Phạm vi nguồn dữ liệu để kiểm tra phải đủ rộng, bao gồm nguồn dữ liệu nội lực của Trường, liên kết với các trường đại học khác, các tạp chí, website trong nước và quốc tế và đưa ra bản báo cáo chi tiết đánh giá mức độ trùng lặp.



những phần ấy có được trích dẫn đúng nguyên tắc của NCKH hay không. Chính vì *Turnitin* không tự động loại trừ các nội dung trùng khớp nhưng đã được trích dẫn hay trùng khớp nhưng không vi phạm nên một bài luận không thể tránh khỏi chỉ số trùng khớp nhất định. Nếu một bài luận hiển thị chỉ số trùng khớp là 0%, giảng viên nên nghi ngờ xem bài làm ấy có rơi vào trường hợp gian lận sử dụng thủ thuật tránh *Turnitin* hay không.

#### ❖ **Một số thông tin về *IThenticate***

Tương tự với *Turnitin*, *Ithenticate* hỗ trợ phát hiện và phòng chống đạo văn nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và đảm bảo tính nguyên gốc của sản phẩm học thuật. Nhà xuất bản Oxford University Press là một trong những đơn vị tiêu biểu sử dụng *Ithenticate*. Tại Việt Nam, trường Đại học Sư phạm TPHCM, Đại học Quốc gia TPHCM, Đại học FPT... cũng sử dụng phần mềm này để kiểm tra đạo văn.

Kho dữ liệu của *Ithenticate* tập trung rất nhiều bài báo khoa học, trang web,... nhằm đối chiếu văn bản tải lên, qua đó xác định mức độ trùng lặp (công cụ *iTeavericate*). Công cụ *iTropicate* trong *iThenticate* còn có thể phát hiện và ngăn chặn tự đạo văn. Nhìn chung, *IThenticate* là phần mềm uy tín và tương đối dễ sử dụng.